

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi IHS Markit công bố chỉ số PMI Việt Nam khởi sắc trong tháng 10 đạt 52.1 điểm, tăng trở lại từ mức 40,2 điểm trong tháng 9

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, VIC

[Vĩ mô/Chiến lược]

Xuất nhập khẩu tháng 10

[Cập nhật công ty]

DIG, CII

[Quan điểm đầu tư]

NĐT có thể tiếp tục quay vòng, mở lại vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

02/11/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,452.46	+0.94
VN30	1,521.35	+0.30
HĐTL VN30F1M	1,524.10	+0.09
HNXIndex	424.11	+2.06
HNX30	686.78	+2.74
UPCoM	106.93	+0.92
USD/VND	22,750	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.15	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.62	+2
Dầu (WTI, \$)	84.22	+0.20
Vàng (LME, \$)	1,794.26	+0.05



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,452.46 (+0.94%)
KLGD (triệu CP) 1,009.5 (-3.7%)
GTGD (triệu US\$) 1,268.2 (-14.4%)

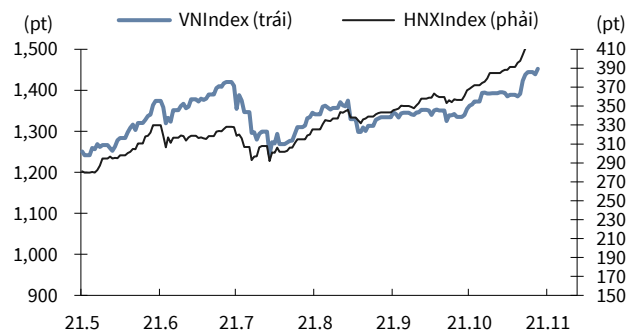
HNXIndex 424.11 (+2.06%)
KLGD (triệu CP) 188.4 (+0.1%)
GTGD (triệu US\$) 188.7 (+4.4%)

UPCoM 106.93 (+0.92%)
KLGD (triệu CP) 147.6 (+9.5%)
GTGD (triệu US\$) 112.5 (-3.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -52.1

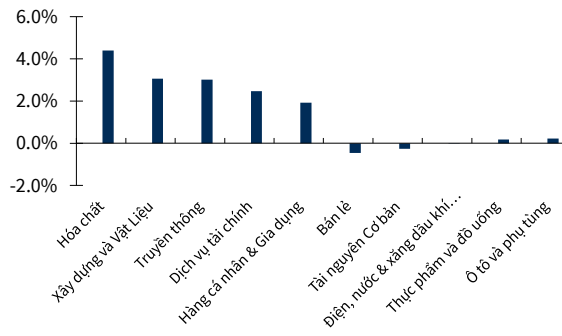
TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi IHS Markit công bố chỉ số PMI Việt Nam khởi sắc trong tháng 10 đạt 52.1 điểm, tăng trở lại từ mức 40,2 điểm trong tháng 9. Theo hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam, giá OCC nhập khẩu từ Mỹ tại thị trường Đông Nam Á, Trung Quốc và Đài Loan giảm và được dự báo có khả năng ổn định hoặc tiếp tục giảm nhẹ giúp cổ phiếu ngành giấy tăng giá ở HAP (+3.2%), DHC (+0.1%). Giá đường đã đạt mức cao nhất trong 4 năm vào tháng 10 do tình trạng thiếu hụt nguồn cung năng lượng thúc đẩy 2 thị trường lớn Brazil và Ấn Độ sản xuất nhiều ethanol hơn từ mía đường tác động tích cực đến cổ phiếu ngành đường ở SBT (+2.2%), LSS (+1%). Cổ phiếu nhóm xuất khẩu tăng MPC (+1.4%), VHC (+1.2%) sau khi Bộ trưởng Thương mại Mỹ cho biết tình trạng tắc nghẽn hàng hóa tại cảng ở nước này đã có nhiều cải thiện rõ rệt. Khối ngoại bán ròng ở NVL (-1.4%), NLG (+6.9%), SSI (+2.3%).

VNIndex & HNXIndex



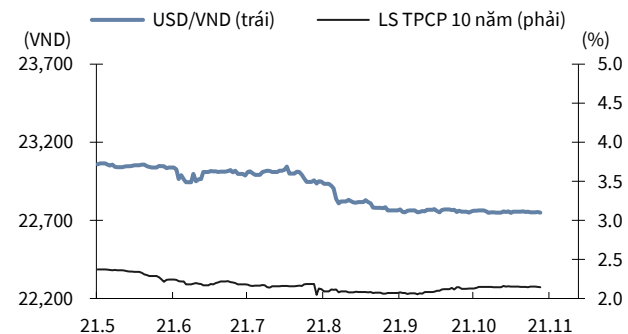
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



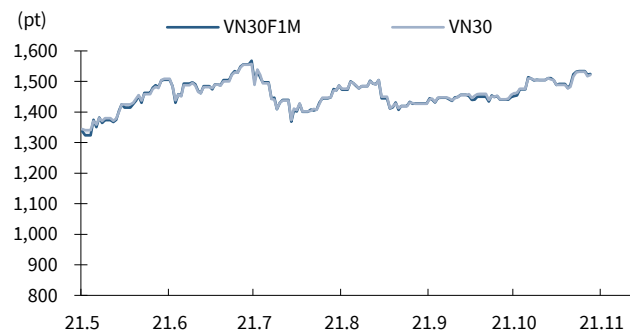
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,521.35 (+0.30%)
VN30F1M	1,524.1 (+0.09%)
Mở cửa	1,522.0
Cao nhất	1,528.7
Thấp nhất	1,518.6
KLGD (HĐ)	114,727 (-8.0%)

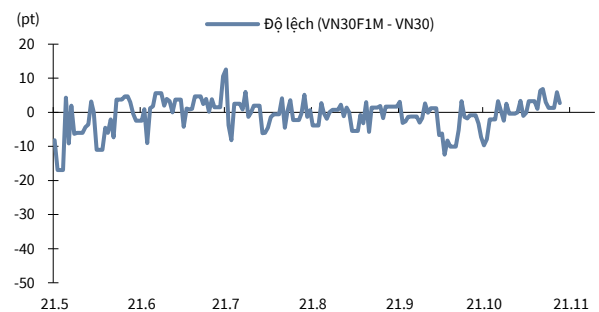
Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2111 và thị trường cơ sở biến động với biên độ âm trong suốt phiên giao dịch giữa biên độ -0.72 và -7.72 điểm do nhà đầu tư vẫn đang hoài nghi về đà tăng của thị trường cơ sở, và đóng cửa ở mức -2.75 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



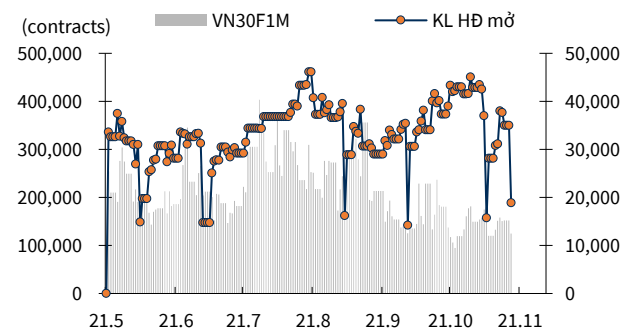
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



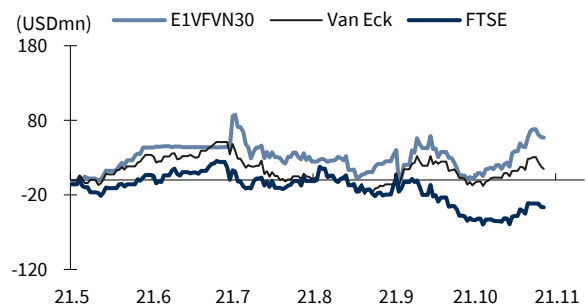
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

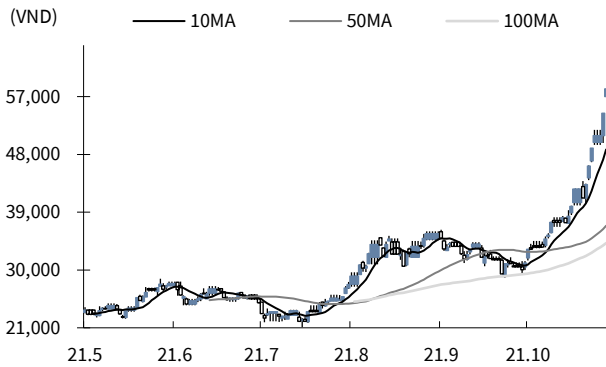
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty cổ phần Đầu tư/Phát triển Xây dựng (DIG)

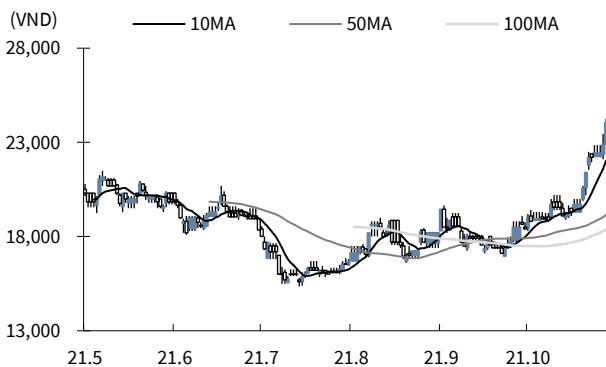


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DIG tăng 7.0% lên 58,200 VND/cp

- DIC Corp công bố lợi nhuận quý III đạt 43.2 tỷ đồng (-69% YoY) và doanh thu 539 tỷ đồng (-67% YoY). Trong đó, doanh thu bất động sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng doanh thu, đạt 357 tỷ đồng, chủ yếu đến từ chuyển nhượng các căn hộ tại dự án CSJ Tower và Gateway Vũng Tàu, chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án Nam Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CII tăng 5.0% lên 24.050 VND/cp

- Công ty đầu tư kỹ thuật hạ tầng TP HCM công bố BCTC hợp nhất quý III với lợi nhuận sau thuế giảm mạnh 87% về 10.6 tỷ đồng và doanh thu thuần giảm 86% đạt 258.7 tỷ đồng. Doanh nghiệp cho biết việc tạm ngừng thu phí đối với các dự án giao thông và thi công các dự án hạ tầng cơ sở, bất động sản đã ảnh hưởng lớn đến doanh thu quý III Tuy nhiên, sự suy giảm này không ảnh hưởng đến kết quả dài hạn của công ty.

01/11/2021

Doanh thu thuần, lợi nhuận Q3/2021 của Hòa Phát đạt kỉ lục

Doanh thu và lợi nhuận quý 3 của Tập đoàn Hòa Phát đạt lần lượt là 38.900 tỷ đồng (+90% YoY), và 10.350 tỷ đồng (+174% YoY). Trong kỳ, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 958.000 tấn (-1.5% YoY) nhưng vẫn tích cực trong bối cảnh làn sóng dịch covid lần thứ 4 ảnh hưởng nặng nề tới tình trạng tiêu thụ trong nước. Sản lượng tiêu thụ thép cuộn cán nóng đạt 606.000 tấn (+165% YoY).

Sản lượng sản xuất thép thô của Trung Quốc giảm tháng thứ 4 liên tiếp do mục tiêu cắt giảm khí thải carbon và tình trạng thiếu điện trầm trọng

Trong tháng 9, sản lượng sản xuất thép thô tại Trung Quốc đạt 73.75 triệu tấn giảm 21% so với cùng kỳ và 11.4% so với tháng 8. Việc cắt giảm mạnh tay được diễn ra trong bối cảnh Trung Quốc sẽ tổ chức Thế Vận hội mùa Đông năm 2022 vào đầu tháng 2 năm sau, và tình trạng thiếu điện trầm trọng khiến cho than cốc được dùng trong sản xuất thép nay được ưu tiên chuyển sang cho sản xuất điện.

Đầu công tư là lựa chọn tốt nhất để kích thích phát triển kinh tế, động lực đẩy mạnh tiêu thụ thép trong Q4 2021 và năm 2022

Khi dư địa cho chính sách tiền tệ còn lại không nhiều thì chính sách tài khóa là công cụ vô cùng hiệu quả và thích hợp nhất trong bối cảnh hiện tại để kích thích nền kinh tế, cụ thể là việc giải ngân vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, những tháng cuối năm cũng là mùa xây dựng dẫn đến nhu cầu thép tăng cao. Hòa Phát sẽ là doanh nghiệp được hưởng lợi từ xu hướng hồi phục nhu cầu cũng như là nhà cung cấp nguyên vật liệu dành cho các dự án đầu tư công trọng điểm.

Giá thép neo ở mức cao giúp duy trì biên lợi nhuận cao

Sau khi đạt đỉnh vào tháng 5, giá thép xây dựng giảm 6% và giữ ở mức 16.140 VNĐ/kg trong 3 tháng liên tiếp từ tháng 6 đến tháng 9. Tuy nhiên, do biến động nguyên vật liệu đầu và nhu cầu tăng cao do nới lỏng các biện pháp giãn cách, trong tháng 10, Hòa Phát đã có 3 đợt tăng giá bán đối với thép xây dựng.

Kỳ vọng lợi nhuận 2021 tăng trưởng 184%, khuyến nghị MUA

Chúng tôi nâng dự phóng lợi nhuận sau thuế năm 2021 lên 38.385 tỷ đồng (+184% YoY). Chúng tôi nâng mức giá mục tiêu lên 68.200 VNĐ/CP, upside 22.4 %.

MUA Duy trì

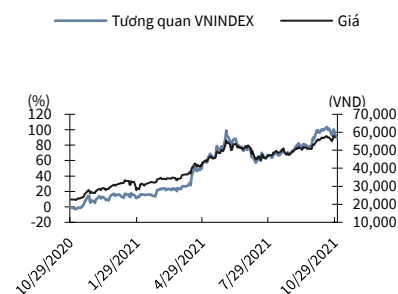
Giá mục tiêu	VNĐ 68.200
Tăng/giảm	22.4%
Giá hiện tại (Nov 1)	VNĐ 55.700
Giá mục tiêu đồng thuận	VNĐ 63.900
Vốn hóa (nghìn tỉ VNĐ/tỉ USD)	249/11

Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VNĐ/triệu USD)	1425/62
Sở hữu nước ngoài (%)	24.95%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1	13	20	146
Tương đối	-6	7	7	89

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	63.658	90.119	145.485	152.981
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	9.031	15.289	40.931	38.457
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	7.578	13.506	38.385	33.461
EPS (VNĐ)	2.740	4.007	8.580	7.450
Tăng trưởng EPS (%)	-32%	49%	111%	-13%
P/E (x)	20.29	13.67	6.49	7.45
P/B (x)	32.18	31.16	25.97	19.59
ROE (%)	16%	23%	40%	26%
Tỷ suất cổ tức (%)	1.6%	5%	5%	5%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Xuất nhập khẩu tháng 10

Tín hiệu xuất khẩu hồi phục so với tháng 9 – Nhập khẩu suy giảm

Xuất nhập khẩu tháng 10 thặng dư, động lực chính đến từ khu vực FDI

- Theo số liệu ước tính từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tháng 10 lần lượt đạt 27.3 tỷ USD (0.1% YoY) và 26.2 tỷ USD (7.7% YoY).
- Cán cân thương mại tháng 10 thặng dư 1.1 tỷ USD. Cụ thể, khu vực có vốn FDI xuất siêu đạt 2.8 tỷ (-32.5% YoY và + 88.7% MoM), trong đó xuất khẩu đạt 20.41 tỷ USD (+2.9% MoM) và nhập khẩu đạt 17.6 tỷ USD (-4.1% MoM), phản ánh xuất khẩu tại khu vực này phục hồi rõ nét, trong khi nhập khẩu có xu hướng giảm. Riêng khu vực trong nước vẫn duy trì nhập siêu 1.7 tỷ (+34% YoY và +51.48% MoM).
- Tính lũy kế đến hết tháng 10 Việt Nam vẫn đang nhập siêu 1.64 tỷ USD, chủ yếu do các doanh nghiệp FDI đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu, tích trữ hàng tồn kho trong quý 1 và 2 để tập trung cho hoạt động kinh doanh sản xuất cho các quý 3 và 4 theo đúng chu kỳ sản xuất.

Kim ngạch xuất khẩu vẫn duy trì ổn định từ đầu năm dù chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh

- Xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như máy móc thiết bị điện thoại, dệt may, giày dép, gỗ đều tăng (biểu đồ 4). Trong đó điện thoại, điện tử và máy tính có giá trị xuất khẩu tính đến ngày 15/10/2021 theo số liệu sơ bộ từ Tổng cục Hải Quan đạt 81.87 tỷ USD (+11% YoY), chiếm 40% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam, phần lớn đến từ các doanh nghiệp FDI.
- Sức cầu của thị trường thế giới hồi phục mạnh, hoạt động xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng ở các thị trường chủ lực như Mỹ, Trung Quốc, HongKong, Đài Loan, Hàn Quốc... (biểu đồ 3) Riêng tại thị trường Mỹ xuất khẩu tháng 9 đạt 7.03 tỷ USD (-9.54% YoY) mức giảm nhẹ so với cùng kỳ, nhưng tính lũy kế 9 tháng đầu năm vẫn đạt mức tăng trưởng ấn tượng 25.8% YoY.
- Việc triển khai thực thi các FTA có hiệu quả, tiếp tục góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu kết hợp việc tận dụng ưu đãi mở cửa thị trường từ các hiệp định thương mại tự do mới ký kết như EVFTA, UKVFTA, CPTPP

Kim ngạch nhập khẩu giảm dần so với các tháng trước

- Nhập khẩu khu vực FDI có dấu hiệu suy giảm dần (-4.1% MoM), trong đó sự sụt giảm chủ yếu từ các mặt hàng nguyên vật liệu đầu vào do các doanh nghiệp FDI đã tích trữ đủ hàng tồn kho, nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất. Cụ thể vải, nguyên phụ liệu dệt may, điện thoại đều có mức giảm khoảng 10% so với tháng trước (biểu đồ 5).
- Các mặt hàng phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước vẫn suy giảm mặc dù nền kinh tế đang dần mở cửa trở lại, cụ thể nông sản rau quả (-12% MoM) và sữa (-17% MoM). Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính đến từ việc thu nhập của người tiêu dùng bị sụt giảm dưới tác động của dịch bệnh Covid-19 khiến họ điều chỉnh hành vi tiêu dùng theo hướng tăng tiết kiệm, giảm chi tiêu.

Vingroup (VIC)

Lợi nhuận ròng 9 tháng giảm 21%YoY

Lợi nhuận 9 tháng 2021 giảm 21%YoY.

— Doanh thu quý 3/2021 đạt 30,112 tỷ VND (-16% YoY), LNST đạt 257 tỷ VND (-82% YoY) do khoản thuế phải trả từ lợi nhuận chuyển nhượng BĐS và không được khấu trừ các khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh khác. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu và lãi ròng đạt 90,848 tỷ VND (+22% YoY) và 3,193 tỷ VND (-21% YoY).

Hoạt động chuyển nhượng BĐS đạt kết quả tích cực, các hoạt động kinh doanh còn lại bị ảnh hưởng bởi quá trình giãn cách xã hội kéo dài.

- Trong quý 3/2021, Vingroup đã bán được 5,973 căn, giảm 58% QoQ nhưng tăng +97%YoY; trong đó, số lượng căn bán lẻ đạt 1,385 căn (-44%QoQ) với tổng giá trị hợp đồng đạt 5,404 tỷ VND (-39% QoQ). Tổng giá trị hợp đồng đã ký chưa ghi nhận doanh thu tính đến hết Quý 3 đạt 42.2 nghìn tỷ. Trong quý, Vingroup đã bàn giao 10,143 căn, tương đương với doanh thu đạt 19,626 tỷ (+62%yoy).
- Doanh thu từ hoạt động cho thuê BĐS đạt 971 tỷ VND (-46%YoY) do diễn biến dịch bệnh phức tạp trong Quý 3, Vincom Retail đã giải ngân các gói hỗ trợ khách thuê bị ảnh hưởng bởi dịch.
- Hoạt động nghỉ dưỡng bị ảnh hưởng đáng kể khi doanh thu giảm 43% so với quý trước đó đạt 417 tỷ VND. Số lượng đêm phòng bán đạt 221,000 phòng, giảm nhẹ 8% so với quý trước khi 27/35 khách sạn/khu nghỉ dưỡng vẫn được mở cửa để phục vụ khách lưu trú dài ngày và làm các địa điểm cách ly (+38%qoq)..

Tiếp tục kế hoạch mở rộng thị trường quốc tế.

- Doanh thu mảng sản xuất Quý 3 đạt 3,550 tỷ đồng (-26%YoY). Lỗ trước thuế mảng sản xuất khoảng 2,708 tỷ VND.
- Trong Quý 3, VinFast bán được 15,900 xe ô tô (+115%YoY) và 12,600 xe máy điện (-21% YoY), duy trì vị trí đứng đầu về thị phần trong các phân khúc. Như vậy tính đến hết quý 3, VinFast đã bán được 25,600 xe ô tô và 29,400 xe máy điện, đạt lần lượt 61% và 14% kế hoạch đặt ra cho năm 2021. Công ty dự kiến đến hết quý 4, số lượng xe ô tô bán được đạt khoảng 35-40 nghìn xe, thấp hơn so với mục tiêu của năm 2021.
- Đối với các trạm sạc điện, trong 9 tháng đầu năm 2021, Vingroup đã xây dựng hơn 10,000 trụ sạc điện trên 62/63 tỉnh thành phố.
- Trong quý 4, VinFast sẽ ra mắt hai mẫu xe điện VF e35 và VF e36 tại Los Angeles Auto Show 2021. VinFast đã đưa vào hoạt động một số chi nhánh tại Mỹ và Châu Âu. Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới để giới thiệu hai mẫu xe điện mới ra thị trường, đặc biệt là tiếp cận hai thị trường nói trên. Trong quý này, VinFast cũng sẽ đi vào vận hành thương mại xe buýt VinBus.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX tăng điểm ngay từ đầu phiên với nhịp tăng gổ đầu và dần mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Với việc sớm hồi phục và lấy lại xung lực tăng điểm tích cực, VNINDEX một lần nữa thử thách lại vùng kháng cự gần quanh 145x. Mặc dù có thể xuất hiện các nhịp rung lắc trong quá trình đi lên, cơ hội vượt cản của chỉ số đang có phần chiếm ưu thế với vùng hỗ trợ gần quanh 1420 (+-5).
- NĐT có thể tiếp tục quay vòng, mở lại vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1537 - 1540

Kháng cự gần: 1528 - 1532

Hỗ trợ gần: 1514 - 1516

Hỗ trợ xa: 1503 - 1508

— F1 diễn biến giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ hẹp.

— Vùng hỗ trợ gần quanh 1514-1516 đã cho phản ứng sớm và giúp cho chỉ số lấy lại trạng thái cân bằng hơn. Với xu hướng tăng điểm đóng vai trò chủ đạo, chỉ số nhiều khả năng sẽ thử thách vùng kháng cự gần quanh 154x trước khi gặp áp lực rung lắc rõ nét hơn.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở, chờ gia tăng trạng thái nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

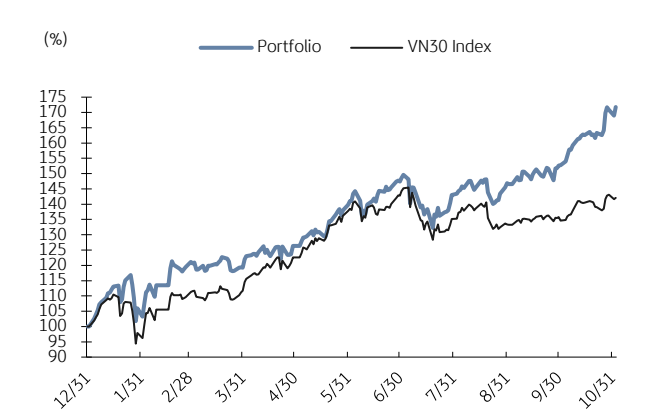
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.30%	1.64%
Tăng lũy kế (YTD)	42.08%	71.77%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/11/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	128,900	-0.8%	68.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	62,200	6.9%	138.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,000	3.9%	31.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,400	0.0%	125.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,300	0.4%	111.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	96,100	0.3%	229.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,400	0.6%	70.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	121,600	0.2%	65.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	55,500	-0.4%	284.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	51,600	5.3%	257.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHC	1.2%	26.2%	24.5
GMD	0.8%	39.7%	23.2
KBC	5.3%	15.2%	22.5
DGC	0.1%	6.7%	22.1
VCB	0.9%	23.5%	20.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVL	-1.4%	8.6%	-567.2
NLG	6.9%	39.4%	-160.7
SSI	2.3%	42.9%	-97.0
VNM	-0.9%	54.9%	-62.2
HPG	-0.4%	25.0%	-100.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TDN	2.4%	0.9%	2.6
IDJ	9.9%	1.3%	1.7
HUT	3.9%	2.6%	0.8
SHS	2.7%	5.0%	0.6
SCI	9.2%	1.5%	0.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	2.8%	3.0%	-7.1
NTP	-2.4%	18.7%	-6.6
IVS	9.6%	73.9%	-4.7
VCS	-0.8%	3.7%	-3.6
HLD	-0.2%	7.6%	-3.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	10.9%	VND, SSI
Xây dựng và Vật Liệu	8.9%	VGC, VCG
Ô tô và phụ tùng	7.6%	TCH, HHS
Bất động sản	6.9%	VHM, VIC
Hóa chất	5.8%	GVR, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-1.9%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	-1.3%	HPG, HSG
Dầu khí	-0.3%	PLX, PVD
Bảo hiểm	1.0%	BMI, MIG
Công nghệ thông tin	1.2%	FPT, ST8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	17.9%	VGC, DPG
Hóa chất	16.1%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	16.0%	VND, VCI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.2%	GAS, POW
Bất động sản	13.6%	VHM, VIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	1.2%	HVN, RIC
Bán lẻ	2.9%	DGW, BTT
Y tế	3.2%	VMD, PME
Thực phẩm và đồ uống	4.1%	VNM, NAF
Tài nguyên Cơ bản	5.0%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	197,292 (8.7)	22.5	61.0	48.1	14.7	5.0	5.7	4.0	3.7	0.0	3.9	9.2	-0.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	485,729 (21.3)	26.6	10.9	10.4	35.9	33.1	27.0	3.2	2.5	0.8	8.0	10.4	23.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	186,853 (8.2)	17.8	35.3	20.1	-7.6	6.9	10.5	2.3	2.2	-1.0	0.8	9.4	-1.8
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	309,918 (13.6)	31.3	37.4	21.9	6.7	18.0	16.3	4.5	3.7	-1.4	4.6	6.0	124.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	157,819 (6.9)	11.6	30.0	21.7	18.0	12.3	14.7	3.4	2.9	2.9	9.4	22.0	89.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	177,124 (7.8)	13.9	15.3	10.5	-	14.5	18.5	2.1	1.7	5.1	11.9	32.7	79.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	99,522 (4.4)	6.3	18.4	14.5	11.7	19.7	20.1	3.2	2.5	0.9	4.1	2.1	0.0
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	57,185 (2.5)	12.7	18.1	12.9	-5.3	13.2	16.8	1.9	1.8	0.4	7.0	8.1	-12.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	782,847 (34.4)	0.0	10.7	9.0	14.3	20.6	20.2	2.0	1.6	0.0	1.2	5.3	63.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	319,544 (14.0)	1.4	10.0	8.1	61.1	18.5	20.3	1.5	1.3	0.6	8.4	8.9	21.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	380,987 (16.7)	0.0	13.1	11.1	18.8	18.5	16.6	2.2	1.8	0.0	1.3	5.8	108.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	284,758 (12.5)	0.0	8.9	7.4	14.6	22.1	22.3	1.6	1.4	0.0	1.6	3.5	68.2
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	64,505 (2.8)	4.2	9.2	8.1	23.3	21.9	21.0	1.7	1.4	1.2	3.6	3.0	34.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	317,740 (14.0)	14.0	18.3	13.4	26.5	11.0	12.6	1.5	1.3	0.2	4.1	7.9	57.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	199,419 (8.8)	0.0	10.3	8.6	37.5	22.6	20.3	2.0	1.6	0.9	3.1	2.8	63.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	7,526 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	6.9	7.3	9.0	29.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	108,635 (4.8)	21.0	27.3	26.3	15.8	8.7	8.6	2.3	2.1	1.1	0.8	11.9	-1.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	46,008 (2.0)	14.2	18.9	19.5	9.1	12.0	12.0	2.1	1.9	0.0	-1.1	12.8	78.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	443,666 (19.5)	55.4	16.2	14.5	-3.2	17.3	17.7	-	-	2.3	9.1	8.0	93.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	318,050 (14.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.2	13.4	20.5	138.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	162,738 (7.2)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	2.0	9.2	4.7	68.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	364,577 (16.0)	27.2	13.3	22.5	36.3	-	-	4.4	4.0	2.5	18.4	22.4	222.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	300,924 (13.2)	42.1	18.7	17.4	4.0	32.8	34.1	5.7	5.5	-0.9	-0.4	-0.7	-18.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,618 (1.0)	36.9	24.7	20.5	7.3	21.2	23.0	4.8	4.2	2.0	6.3	7.1	-15.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	141,895 (6.2)	16.5	50.0	29.4	-51.9	18.1	22.9	8.8	6.8	0.0	4.2	3.9	63.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	39,303 (1.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.1	5.0	9.4	-46.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	116,822 (5.1)	11.0	-	37.0	-88.5	0.4	16.2	-	-	1.5	-0.4	2.5	5.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	192,991 (8.5)	10.8	30.3	21.1	-57.0	9.3	12.6	2.6	2.4	0.8	3.2	6.8	59.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	107,330 (4.7)	38.4	44.8	14.2	65.7	3.1	8.4	1.4	1.3	5.0	12.4	30.0	12.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	61,877 (2.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.2	5.5	13.2	134.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	191,464 (8.4)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	4.4	17.3	28.5	64.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	22,961 (1.0)	3.6	36.7	17.8	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	-1.4	1.5	7.1	-7.2
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	51,689 (2.3)	0.0	13.6	11.4	-4.5	13.2	14.1	1.7	1.6	0.4	-3.9	9.7	47.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	245,854 (10.8)	46.1	25.4	20.6	-17.5	18.5	21.3	4.6	4.2	0.2	6.9	17.5	40.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,879 (1.3)	31.4	14.3	11.0	-10.5	12.4	14.9	1.6	1.6	-0.4	-1.3	12.1	-6.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,001 (0.3)	34.1	19.9	11.9	-5.1	7.3	12.6	1.5	1.5	-0.2	0.2	0.4	-5.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,534,788 (67.4)	18.0	7.9	7.9	21.9	41.1	29.5	2.7	2.0	-0.4	-1.4	3.9	80.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	332,372 (14.6)	36.5	16.5	21.5	-0.5	15.7	10.6	2.2	2.1	-1.2	5.4	29.1	161.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	222,927 (9.8)	46.5	22.6	21.3	-4.5	13.3	13.6	2.7	2.5	-0.3	6.6	20.2	142.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	496,930 (21.8)	38.9	6.8	7.0	67.9	26.8	21.5	1.6	1.4	-0.4	-3.9	-2.0	127.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	105,989 (4.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.3	8.0	12.5	33.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	99,890 (4.4)	4.6	19.0	16.7	-51.0	16.3	17.3	2.9	2.8	0.7	-0.5	4.6	-0.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	243,242 (10.7)	39.9	826.4	26.4	-11.9	0.0	3.4	0.9	0.8	2.5	1.1	19.5	74.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	131,652 (5.8)	35.9	11.9	10.4	1.2	14.6	14.9	1.6	1.4	1.6	2.6	8.8	81.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	181,932 (8.0)	0.0	19.1	14.7	13.7	24.7	27.4	4.2	3.7	-0.8	0.7	2.1	62.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	61,439 (2.7)	0.0	22.7	18.5	2.4	19.8	22.2	4.3	3.7	3.9	6.8	6.1	29.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,056 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	4.7	0.9	11.2	-63.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	78,501 (3.4)	30.3	46.5	28.9	-75.2	8.0	12.1	3.6	3.4	2.7	17.9	18.6	76.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	52,282 (2.3)	34.6	20.4	10.0	41.2	13.6	27.3	2.6	2.5	5.2	6.3	21.3	-0.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,443 (0.1)	45.4	18.3	17.3	10.7	19.9	20.3	3.5	3.2	0.9	4.5	3.4	-0.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	187 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-2.8	-0.5	-0.5	7.3
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	228,534 (10.0)	0.0	21.4	18.0	15.5	24.1	25.3	4.5	4.1	0.3	-0.8	3.4	87.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.